

TRI THỨC DÂN GIAN VỀ THUỐC NAM CỦA NGƯỜI DAO TIỀN Ở XÃ HÀ HIỆU, HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN¹

VŨ TRƯỜNG GIANG
NGUYỄN THỊ TÂM

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống tri thức dân gian của tộc người, tri thức về cây thuốc có một vai trò rất quan trọng. Một mặt, nó thể hiện trình độ nhận thức của tộc người về y học truyền thống; mặt khác, thể hiện mối quan hệ và sự thích ứng của tộc người trong không gian sinh tồn cụ thể. Điều này được minh chứng là các tộc người khác nhau, thậm chí một tộc người nhưng có các nhóm địa phương hoặc cư trú trên những địa bàn khác nhau, sẽ có tri thức về cây thuốc và cách thức chăm sóc sức khỏe không giống nhau.

Nghiên cứu về cây thuốc của các tộc người ở Việt Nam nói chung, các tộc người thiểu số nói riêng trong những năm gần đây được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau.

Thứ nhất, nghiên cứu về cây thuốc dưới góc độ dược học và thực vật học là lĩnh vực đạt được nhiều thành tựu nhất vì gắn liền với các trung tâm nghiên cứu về dược học, thực vật học như Đại học Dược Hà Nội, Viện Dược liệu (Bộ Y tế), Khoa Sinh học (Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội)... Kết quả nghiên cứu đề cập tới

lịch sử hình thành và phát triển của nền y học và dược học; việc sử dụng nguồn cây cỏ làm thuốc; mô tả cây thuốc, địa bàn phân bố, công dụng, tính năng, trồng và thu hoạch; tên tiếng Việt và Latin... (Võ Văn Chi, 1976, 1999; Trần Công Khánh, 1978; Lê Đình Phái, 1996; Đỗ Tất Lợi, 1999).

Thứ hai, những nghiên cứu về cây thuốc dưới góc độ dược học và thực vật học ở một vùng cụ thể như Ba Vì, Sa Pa... Để bảo tồn nguồn tài nguyên cây thuốc, phải nắm được thực trạng, các yếu tố kinh tế, xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng và buôn bán, các điều kiện bảo tồn, huy động sự tham gia thích hợp nhằm quản lý cây thuốc [Trần Văn Ôn, 2003; Trần Văn Ôn (Chủ biên), 2006].

Thứ ba, nghiên cứu về cây thuốc của một số tộc người thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc: người Thái ở Nghệ An [Nguyễn Nghĩa Thìn (Chủ biên), 2001]; người Hmông ở Tây Bắc (Đặng Thị Hoa, 2001); người Lào ở Hà Tĩnh (Vũ Hồng Thuật, 2005); người Thái ở Thanh Hóa (Vũ Trường Giang, 2008); người Cao Lan ở Tuyên Quang (Đặng Kim Thanh, Trần Công Khánh, 2008b).

Thứ tư, nghiên cứu đặc điểm sinh học, tác dụng chữa bệnh của các loài cây thuốc tầm của người Dao Đỏ ở Sa Pa [Ninh Thị

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số IV5.3 - 2011.05.

Phíp (Chủ biên), 2011]. Điều tra nguồn dược liệu của người Dao Tiền ở Hòa Bình (Đặng Kim Thanh, Trần Công Khánh, 2008a); tri thức về thuốc nam của người Dao Quần Chẹt ở Hòa Bình và người Dao Đỏ ở Lào Cai (Trần Hồng Hạnh, 2001, 2002).

Thứ năm, nghiên cứu bảo tồn tài nguyên cây thuốc của các tộc người. Phần lớn cây thuốc ở Việt Nam được sử dụng theo kinh nghiệm của cá nhân hay mỗi cộng đồng. Những kinh nghiệm quý báu đó đang dần bị mai một, đồng thời nguồn tài nguyên cây thuốc đang giảm sút nghiêm trọng, nhiều loài đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Vì vậy, cần gìn giữ và phát triển nguồn tài nguyên “vàng xanh” này (Trần Công Khánh, 2005; Hoàng Khánh Toàn, 2012).

Thứ sáu, nghiên cứu về bảo hộ tri thức dân gian nói chung, tri thức về cây thuốc nói riêng. Việc sử dụng tri thức này đã đem lại lợi ích đáng kể về kinh tế, văn hóa, xã hội. Vấn đề quan trọng đang đặt ra hiện nay là cần có các công cụ pháp lý hữu hiệu để bảo vệ các tri thức truyền thống đó (Phạm Phi Anh, 2005; Trần Văn Hải, 2012, 2013).

Bài viết này trình bày tri thức về thuốc nam của người Dao Tiền ở xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

2. Địa bàn nghiên cứu

Xã Hà Hiệu thuộc huyện Ba Bể; phía Bắc giáp xã Phúc Lộc; phía Nam giáp xã Chu Hương; phía Tây giáp xã Yên Dương, xã Phúc Lộc; phía Đông giáp xã Cốc Đán, xã Trung Hòa và thị trấn Nà Phặc của huyện Ngân Sơn. Hà Hiệu có diện tích 39,98km², gồm nhiều tộc người cư trú: Dao, Tày, Sán Chay, Hmông, Nùng, Kinh. Trong đó, dân tộc Dao gồm hai nhóm là Dao Đỏ và Dao Tiền.

Do cư trú ở khu vực gần rừng nên người Dao Tiền ở xã Hà Hiệu có mối quan hệ gắn bó mật thiết với rừng bởi nguồn tài nguyên này không chỉ là nơi cung cấp lương thực ăn, chất đốt mà còn có nguồn cây thuốc phong phú chữa bệnh cho con người. Ngoài các hình thức cầu cúng chữa bệnh phổ biến, người Dao Tiền đã sử dụng các loại cây thuốc, vị thuốc để chữa trị được nhiều loại bệnh, đáp ứng phần nào đó trong việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

3. Các nguồn dược liệu

Nguồn dược liệu cho việc chữa bệnh khá phong phú, bao gồm các loại: thảo dược và dược liệu từ động vật. Tùy từng bệnh, thầy lang sẽ thu hái một hoặc một số bộ phận nhất định của cây thuốc, chẳng hạn: rễ, thân, lá, củ, quả hoặc lấy cả dây... để trị bệnh; hoặc sử dụng động vật làm thuốc.

3.1. Thảo dược

Dược liệu thảo dược mà người Dao Tiền sử dụng để chữa bệnh thường có hai loại:

Thứ nhất, những loại cây được trồng trong vườn nhà hoặc xung quanh nơi cư trú gồm: *nôm hip sí* (cây dong đỏ), *kở nhò pẹ*, *đềng tòng kia*, *sùng si* (cây gừng đỏ), *pùa sam*, *còn doảng* (cây dẻ quạt), *lai liu* (cây rau răm), *zắm hào si*, *phông piêu* (cây dâu), *tùng cha mía*, *tùm puông đỏ*, *cây toong*, *pờ đào búa*, *mác pộc*, *chô tuôi mía*, *xùng choang*, *kôm muông chầu*... Như vậy, có thể thấy, một số cây trồng vừa là cây ăn quả, gia vị... vừa là cây thuốc chữa bệnh. Mặt khác, cũng cần phân biệt các loại cây trồng có ý thức và cây trồng ngẫu nhiên. Những cây trồng có ý thức là cây trồng có mục đích rõ ràng, có ý thức về quyền sở hữu, khai thác, sử dụng trong một thời gian nhất định (cây ăn quả,

rau xanh, gia vị...). Cây trồng ngẫu nhiên là loại dùng làm hàng rào bảo vệ, phân định ranh giới... (Vũ Trường Giang, 2008, tr. 39).

Thứ hai, các loại thảo dược được khai thác trong rừng như: *nào cổ*, *toong ca*, *cô ông* (cây mua), *gâu moong*, *gâu láng*, *lá chổng* (cây lá chổng), *dùng tây* (cây muồng), *tàu vắn*, *toóng*, *nôm số*, *kiêm tsai*, *tùng cốt*, *ngùng biệt* (cây núc nác), *mùa chùa*, *khau mũi*, *chài gai mía*, *chài đọt khô*, *si ma puông*, *nôm hòm*, *sà pên đặng*, *lai cam lấu*, *mãng mã cha*, *tục chôm*, *mè chêm*, *còn choang*, *dừn choan mao*, *kim choòng mây*, *dàng chậu dung*, *mẹ đặng*²...

3.2. Dược liệu là động vật

Dược liệu là động vật tuy chiếm số lượng ít nhưng cũng góp phần quan trọng vào việc chữa bệnh. Đó là bộ phận hay sản phẩm nào đó của các động vật: *chung* (hươu), *tao dài* (nai), *tao binh* (khỉ), *điêng rầy* (nhím), *muối toong* (mật ong)...

3.3. Giá trị sử dụng

Các loại thảo dược có các dạng cây thân gỗ, thân thảo, thân bụi, thân dây leo... Đối với mỗi loại thảo dược, các bộ phận của cây được dùng vào mục đích chữa bệnh khác nhau, và các bộ phận khác nhau của cùng một cây có những tác dụng khác nhau tùy theo cách vận dụng chữa bệnh của thầy thuốc. Có loại cây chỉ có một bộ phận (lá, thân, rễ, hoa, quả...) được sử dụng, có loại hai bộ phận (thân và lá) được sử dụng, một số khác là ba bộ phận (thân, lá, rễ) và thậm chí có loại cả cây được sử dụng [Nguyễn Nghĩa Thìn (Chủ biên), 2001, tr. 84]. Hoặc để chữa một

số bệnh nhất định, phải kết hợp nhiều bộ phận của cây thuốc hoặc nhiều cây thuốc mới có tác dụng tốt. Liều lượng sử dụng thường mang tính ước lượng, nhất là các loại lá, cành lá thường tính theo nắm, bó hoặc ngọn.

Cũng giống như cây thuốc, các bộ phận của động vật có công dụng chữa bệnh khác nhau: dạ dày (hươu, nai, khỉ, nhím), mật (ong), nhung (hươu).

3.4. Công dụng và hiệu quả chữa bệnh

Mỗi loại dược liệu được ứng dụng cho từng đối tượng chữa bệnh khác nhau như: bệnh thông thường, bệnh của phụ nữ, bệnh của trẻ em, thuốc bổ... Thực tế cho thấy việc hiểu công dụng của từng loại dược liệu đối với từng loại bệnh là yêu cầu rất quan trọng trong điều trị bệnh (xem Bảng 1). Trên cơ sở đó, người thầy thuốc căn cứ vào bệnh tật của từng bệnh nhân để có thể dùng một hoặc kết hợp nhiều loại dược liệu khác nhau. Nếu một loại dược liệu có tác dụng với nhiều bệnh thì phải lựa chọn chữa trị loại bệnh nào có hiệu quả nhất (Vũ Trường Giang, 2008, tr. 42). Người Dao Tiên có hai cách chính trong sử dụng thuốc để chữa bệnh: sắc uống và tắm. Cách dùng này phụ thuộc vào thể trạng của một số người; hoặc liên quan đến một số bệnh đặc thù (như phục hồi sức khỏe sản phụ sau sinh nở...). Khi dùng theo cách tắm thuốc, người Dao Tiên thường phối hợp những loại dược liệu cần thiết khác nhau, đun sôi với một lượng nước cần cho người tắm, sau đó để nước thuốc ấm khoảng 30⁰C là người bệnh có thể tắm được. Nổi tiếng nhất là thuốc tắm dành cho sản phụ. Loại thuốc này giúp cho sản phụ nhanh chóng phục hồi sức khỏe, mau sạch sản dịch và do vậy, có thể sớm lao động (sau khi sinh nở từ 7 đến 10 ngày).

² Tên của nhiều loại cây thuốc gọi theo tiếng Dao, chúng tôi chưa tìm được tên tiếng Việt tương ứng cho nhiều loại cây.

Bảng 1. Công dụng của một số dược liệu trong vườn nhà

TT	Tên tiếng Dao	Tên tiếng Việt	Tên khoa học ³	Dạng cây	Bộ phận sử dụng	Công dụng chữa bệnh
1	<i>Nòm hip sí</i>	Cây dong đỏ		Thân thảo	Rễ	Chữa viêm họng
2	<i>Kở nhò pẹ</i>			Thân gỗ	Vỏ	Chữa tiêu chảy
3		Cây rau ngọt	<i>Sauropus androgynous</i>	Thân thảo	Rễ	Bổ máu
4	<i>Đèng tòng kia</i>			Thân gỗ	Lá, vỏ	Chữa bệnh trĩ, tiêu chảy
5	<i>Sùng si</i>	Cây gừng đỏ		Thân thảo	Củ	Chữa cảm
6	<i>Pùa sam</i>			Thân gỗ	Lá	Vết thương ngoài da
7	<i>Còn doảng</i>	Cây dẻ quạt		Thân thảo	Củ	Đái vàng, đái dắt
8	<i>Lai liu</i>	Cây rau răm	<i>Polygonum odoratum</i>	Thân thảo	Thân, lá	Chữa vết cắn
9	<i>Zầm hào si</i>			Thân thảo	Lá	Chữa bệnh gan, bệnh khớp
10	<i>Phỏng piêu</i>	Cây dâu	<i>Morus alba</i>	Thân gỗ	Rễ, cành	Giải độc, tránh ma
11	<i>Tùng cha mía</i>			Thân dây	Lá	Làm teo các u lành, chữa hắc lào
12	<i>Tùm puông đỏ</i>			Thân thảo	Lá	Bồi bổ sức khỏe cho sản phụ
13	<i>Cây toong</i>			Thân gỗ	Lá, ngọn cây	Bồi bổ sức khỏe cho sản phụ
14	<i>Pờ đào búa</i>			Thân gỗ	Lá	Bồi bổ sức khỏe cho sản phụ
15	<i>Mác pộc</i>	Cây bưởi	<i>Citrus maxima</i>	Thân gỗ	Rễ	Chữa bệnh lở loét
16		Cây chanh	<i>Citrus limonia</i>	Thân gỗ	Rễ	Chữa bệnh lở loét
17	<i>Chô tuôi mía</i>	Hoa đuôi mè		Thân gỗ	Rễ	Táo bón
18	<i>Xùng choang</i>	Nghệ vàng	<i>Curcuma longa</i>	Thân thảo	Củ	Cầm máu
19	<i>Kôm muông chậu</i>			Thân thảo	Rễ	Cầm máu

Nguồn: Tài liệu điền dã của tác giả năm 2014.

³ Tất cả tên khoa học của các loại dược liệu trong bài viết này đều dẫn theo Đỗ Tất Lợi (1999), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội.

Bên cạnh những loại dược liệu trong vườn nhà, các thầy lang người Dao Tiền còn tìm những cây thuốc trong rừng để chế biến thành một số bài thuốc chữa bệnh. Chẳng hạn như lấy lá của cây *nào cỏ*, *toong ca* để chữa bệnh đau mắt hột; dùng rễ của các loại cây: *cô ông* (cây mua), *gâu moong*, *gâu láng*, *lá chổng*, *dùng tẩy*, *toóng*, *nòm só*, *kiêm tsai*, *tùng cốt*, *mùa chùa*, *chài gai mía* kết hợp với lá của cây *tàu vắn*, *khau mũi* và vỏ của cây *ngừng biệt* (cây núc nác) để chữa bệnh lở loét; lấy dây *nòm hòm*, *si ma puông*, *chài đát khe* đun nước cho sản phụ uống, tắm để bồi bổ sức khỏe; cây *mẹ đéng* (ót rừng) có thể chữa vết rạn nứt... Khi điều trị bệnh liệt, một số thầy lang sử dụng lá của

các loại cây *sà pên đéng*, *lai cam lâu*, *mãng mã cha*, *tục chôm*, *mè chêm*, *dàng chậu dùng* để đắp và lấy vỏ của các loại cây này kết hợp với dây *kim choòng mây*, *dừn choan mao*, còn *choang* đun nước cho người bệnh uống. Các thầy thuốc người Dao Tiền không chỉ sử dụng một bộ phận của cây thuốc, mà còn tùy theo từng loại bệnh để có sự kết hợp với các bộ phận khác của cây nhằm tăng hiệu nghiệm của bài thuốc.

Một số loài động vật hoặc một số bộ phận của chúng cũng có dược tính và được người Dao Tiền sử dụng để làm thuốc chữa bệnh. Có thể xem Bảng 2 dưới đây để thấy rõ điều này.

Bảng 2. Công dụng của dược liệu từ động vật

TT	Tên tiếng Dao	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Bộ phận sử dụng	Công dụng
1	<i>Chung</i>	Hươu	<i>Cervus nippon</i>	Dạ dày	Bồi bổ sức khỏe
2	<i>Tao dài</i>	Nai	<i>Cervus unicolor</i>	Dạ dày	Bồi bổ sức khỏe
3	<i>Tao binh</i>	Khỉ	<i>Macaca sp</i>	Dạ dày	Chữa bệnh dạ dày
4	<i>Điêng rẫy</i>	Nhím	<i>Hystrix hodsoni</i>	Dạ dày	Chữa bệnh dạ dày
5	<i>Muôi toòng</i>	Mật ong	<i>Mel</i>	Mật	Chữa bệnh dạ dày, làm đẹp da
6	<i>Nhung</i>	Nhung	<i>Cornu cervi parvum</i>	Sừng non	Chữa bệnh dạ dày

Nguồn: Tài liệu điền dã của tác giả năm 2014.

4. Kỹ thuật thu hái, chế biến, trồng và bảo vệ cây thuốc

4.1. Thu hái cây thuốc và cách chế biến, bảo quản

Việc thu hái cây thuốc hiện nay tại địa bàn nghiên cứu chủ yếu vẫn dưới hình thức tự do. Đối với những cây thuốc quý hiếm, một số thầy lang có ý thức giữ lại. Tuy nhiên, không ít cá nhân vì mục đích kinh tế của dược liệu đã khai thác một cách triệt để làm cho một số loài hiện nay không còn hoặc trở nên hiếm.

Mỗi lần đi lấy cây thuốc trên rừng, các thầy lang thường chọn ngày tốt để tiến hành thu hái. Đối với người Dao Tiền, họ thường chọn những ngày lẻ và giờ lẻ để đi lấy thuốc, tốt nhất là vào buổi sáng khoảng 7 giờ đến 9 giờ. Trước khi đi, các thầy thuốc chuẩn bị hết các dụng cụ thu hái và đeo bao tải lên người, sau đó thắp 3 nén hương trên bàn thờ Địa miên với ngụ ý thông báo cho thần thuốc biết về lịch trình thu hái của ngày hôm đó, đồng thời “mời” thần thuốc đi cùng để việc thu hái được diễn ra thuận lợi hơn. Khi thắp hương, thầy lang đọc lời cầu khẩn: “*Địa miên tòm dòi miềng ke mia, pun miềng pêng*” [Ông (bà)... đến đây xin thuốc, mời thần thuốc đi cùng lấy thuốc để cứu chữa cho người bệnh]. “Khi đi, tôi không thông báo cho ai, kể cả những người trong gia đình biết việc tôi đi lấy thuốc. Thông thường cứ lẳng lẳng mà đi” (ông BVK, 70 tuổi, thôn Nà Hin, xã Hà Hiệu).

Sau khi thu hái thuốc, người ta mang về và băm hay chặt thành những kích cỡ khác nhau, phù hợp với mỗi loại dược liệu. Đối với những dược liệu không dùng ngay, các thầy lang mang rửa sạch hoặc phơi khô.

Mỗi loại có cách phơi khác nhau sao cho việc phơi vẫn đảm bảo trọn vẹn công dụng của mỗi loại dược liệu. Hầu hết các bài thuốc của người Dao Tiền tận dụng thân, lá, rễ, củ, ít lấy hạt, quả. Các loại dược liệu sau khi đã qua sơ chế, phơi khô và được các thầy lang gói theo từng thang có bọc giấy báo hoặc túi ni lông để bảo quản. Đối với những bài thuốc dùng nhiều dược liệu, thầy lang đựng thuốc vào bao tải và cất giữ ở nơi khô ráo, thoáng mát để có thể bảo quản thuốc được lâu.

4.2. Trồng và bảo vệ cây thuốc

Để chủ động nguồn thuốc chữa bệnh và ứng phó với tình trạng khan hiếm dược liệu, người Dao Tiền đã trồng một số loại cây thuốc trong vườn nhà hoặc vườn rừng. Tuy vậy, hiện nay chưa xuất hiện mô hình trồng cây thuốc của các tổ chức hay cá nhân có đăng ký với Hội Đông Y. Hầu hết các vườn cây thuốc chỉ là hình thức trồng tự phát với quy mô nhỏ, lẻ. Việc đem các loài dược liệu từ rừng về vườn nhà trồng gặp nhiều khó khăn bởi mức độ thích nghi với khí hậu, thổ nhưỡng của cây thuốc ở rừng và ở vườn nhà có nhiều khác biệt.

5. Một số bài thuốc phòng và chữa bệnh

5.1. Bài thuốc chữa bệnh đau cơ thể do thời tiết (Uôm đĩa)

Người Dao Tiền gọi loại bệnh này là bệnh độc nước (khi thời tiết thay đổi, cơ thể người bị đau, tê các khớp xương hoặc đau bụng). Để thử bệnh, thầy lang lấy cây *mia sí* (cây xôi đỏ) đun nước cho người bệnh uống. Nếu nước tiểu màu trắng thì đúng bệnh, còn nước tiểu màu đỏ thì không phải. Khi xác định đúng bệnh, thầy lang tìm đủ 16 vị thuốc. Mỗi loại cây sử dụng một hoặc hai bộ

phân khác nhau. Liều lượng được xác định tương đối là nắm hay bó nhỏ. Có 10 loại cây sử dụng rễ: *cô ông* (cây mua), *gâu moong*, *gâu láng*, *lá chổng* (cây lá chổng), *dùng tày* (cây muông), *cây chanh*, *mác pộc* (cây bười), *kiêm stai*, *mùa chùa*, *chài gai mía*. Có 4 loại cây sử dụng rễ và thân cây: *tàu vắn*, *toóng*, *nòm só*, *tùng cốt*. Có 1 loại cây sử dụng vỏ cây: *ngùng biệt* (cây núc nác). Có 1 loại cây sử dụng thân và lá: *khau mũi*.

Các vị thuốc này được rửa sạch, băm nhỏ, phơi khô, đun nước uống hoặc ngâm rượu. Trước mỗi bữa cơm, người bệnh uống một bát nước thuốc hoặc 1 chén rượu thuốc đến khi nào bệnh khỏi thì ngừng uống (ông BVK, 70 tuổi, thôn Nà Hin, xã Hà Hiệu).

5.2. Bài thuốc chữa bệnh lở loét ngoài da (Tiêm la)

Theo người Dao, nguyên nhân của bệnh là do con người ăn ở không sạch sẽ, nguồn nước bị nhiễm khuẩn hoặc do nam nữ quan hệ tình dục không lành mạnh. Triệu chứng của bệnh là người bệnh cảm thấy ngứa toàn thân, lâu ngày dẫn đến lở loét, chảy nước.

Bài thuốc để chữa bệnh này gồm hai vị: cành, lá của cây *triết koóng* và cây *mía sang* (mỗi loại một bó) để cho người bệnh đun nước tắm chữa ngứa. Người bệnh tắm 3 lần/ngày vào các buổi sáng (*đòm diêu*), trưa (*án*), tối (*muóng*). Mỗi nồi thuốc như vậy có thể đun tắm 3 lần. Bệnh nhẹ thì đun tắm trong khoảng 4 đến 5 ngày là khỏi, trường hợp bệnh nặng thì phải chữa trong vòng một tháng, duy trì mức độ tắm hàng ngày bằng nước thuốc.

Khi chữa bệnh này, người bệnh cần phải kiêng các loại thức ăn sau: *náng prọt*

(com nếp), *chai ó* (thịt gà), *pèo* (cá), *ngùng ó* (thịt trâu), *ngùng zoóng ó* (thịt bò), *chai cháo* (trứng). Khi khỏi bệnh, những nốt lở loét biến mất, không mẩn ngứa, người bệnh có thể ăn những thức ăn này.

5.3. Bài thuốc chữa bệnh liệt (bệnh gió)

Thầy thuốc BHC (78 tuổi, thôn Nà Hin, xã Hà Hiệu) có bài thuốc gồm 10 vị thuốc, với 3 cách chữa bệnh: đắp, uống, tắm. Có 4 loại cây sử dụng lá và vỏ cây: *sà pên đặng*, *lai cam lâu*, *mãng mã cha*, *tục chòm* (mỗi loại một nắm lá giã nhỏ dùng để đắp, vỏ cây đun uống và tắm); có 2 loại cây dùng lá và thân cây (mỗi loại một nắm lá giã nhỏ để đắp, thân cây đun uống và tắm); có 4 loại cây sử dụng thân dây leo: *còn choang*, *zìr choan mao*, *kim chòm mây*, *cà tàng kia* (mỗi loại một bó nhỏ đun nước tắm).

Khi chữa bệnh liệt phải kiêng ăn *ngùng ó* (thịt trâu), *ngùng zoàng ó* (thịt bò), *áp ó* (thịt vịt), *ngan ó* (thịt ngan); không được ăn mì chính hay uống sữa bò và những đồ chua trong quá trình uống thuốc chữa bệnh.

5.4. Bài thuốc tắm cho sản phụ

Bài thuốc tắm cho sản phụ gồm 8 vị thuốc. Trong đó, có 5 loại cây dùng lá: *tùm puông đở*, *chài đạt khê*, *cây nòm só*, *sình khính cháu*, *pờ đào búa* (mỗi loại một bó nhỏ); có 1 loại cây dây leo: *si ma puông* (một bó); có 1 loại cây dùng dây leo và rễ: *nòm hòm* (một bó); 1 loại cây dùng lá, thân và ngọn cây: *cây tong* (một bó lá và thân cây), ngọn cây dùng để nấu với thịt gà cho sản phụ ăn.

Tất cả các vị thuốc này được cho vào nồi to đun sôi, để nước nguội rồi cho sản

phụ tắm hàng ngày vào buổi chiều. Sau khi sinh 2 - 3 ngày thì sản phụ có thể tắm được. Đây là bài thuốc tắm áp dụng cho sản phụ và có thể dùng để tắm hoặc lau người cho đứa trẻ. Sau sinh hơn một tháng, người mẹ có thể đi làm việc bình thường. Trong khi sử dụng bài thuốc này, sản phụ kiêng ăn thịt gà trống, thịt lợn nái; kiêng nước lạnh và những đồ chua, đồ ngọt hoặc đồ cay...

5.5. Bài thuốc chữa bệnh cho trẻ em

Để làm giảm cơn sốt, co giật về đêm ở trẻ em, người Dao Tiền thường dùng lá ngón hơ vào lửa cho nóng rồi đắp lên trán và thóp của đứa trẻ.

Để chữa mụn nhọt ở trẻ em, người ta lấy quả đu đủ xanh thui trên lửa, bỏ đôi quả và lấy một nửa úp vào vết mụn để chống đau, sưng. Sau đó, họ lấy dao cạo nhựa ở vỏ cây gạo đập trực tiếp vào vết mụn và kéo đầu mụn ra.

6. Nghề thuốc và thu nhập của gia đình

Các thầy thuốc người Dao Tiền ở xã Hà Hiệu trước đây thường lấy thuốc chữa bệnh khi người bệnh có nhu cầu cần giúp. Hầu hết họ chỉ biết một vài bài thuốc do chính mình đã từng được chữa, hoặc một số do cha mẹ truyền dạy. Theo truyền thống, khi được chữa khỏi, người bệnh sẽ mang lễ vật đến tạ ơn và thường kèm theo tiền bồi dưỡng cho thầy thuốc; tuy nhiên, số tiền này tùy thuộc vào sự hảo tâm và gia cảnh của người bệnh. Do vậy, nguồn thu từ nghề thuốc của các thầy lang người Dao Tiền không đáng kể.

Nghề thuốc chỉ là phụ, do đó, đối với các thầy lang, việc chữa bệnh chỉ mang tính chất “làm phúc” hơn là lợi ích kinh tế. Tuy

nhiên, đối với một số người vừa làm thầy thuốc vừa biết cúng chữa bệnh thì thu nhập có phần trội hơn. Ông BVK (70 tuổi, thôn Nà Hin, xã Hà Hiệu) cho biết: “*Mỗi lần lấy thuốc, nếu chữa khỏi bệnh, người ta đến cho tôi 100 - 200 nghìn đồng (đối với bệnh khó chữa), còn với những bệnh nhẹ thì cho từ 50 - 70 nghìn đồng. Ngoài ra, thì thoảng người ở các nơi đến đón tôi về cúng chữa bệnh cho họ, ở trong xã thì được trả công vài chục nghìn. Nếu đi xa lên tận Cao Bằng thì họ trả công cho tôi cao hơn, có lần được 300 nghìn đồng và thủ lợn chín mang về...*”.

Thu nhập trung bình hàng tháng của người hành nghề thuốc nam chữa bệnh khoảng 300.000 đồng/tháng, nếu hộ vừa có người làm nghề thuốc vừa làm nghề thầy cúng thì thu nhập bình quân khoảng 700.000 đồng/người/tháng. Sở dĩ có sự chênh lệch này vì đồng bào Dao Tiền ở Hà Hiệu vẫn duy trì những tập quán cúng bái trong đời sống hàng ngày hoặc cúng chữa bệnh đối với một số trường hợp đặc biệt. Bởi vậy, thầy cúng và thầy thuốc vẫn giữ một vị trí quan trọng trong cộng đồng người Dao Tiền.

Nhìn chung, nghề thuốc mặc dù không mang lại nguồn thu lớn, song nó mang giá trị tích cực trong việc cứu giúp cộng đồng, đặc biệt là những nhóm người nghèo thiếu điều kiện tiếp cận với các phương pháp cứu chữa hiện đại. Như vậy, nghề thuốc nam còn có giá trị trong cuộc sống cộng đồng, gắn kết tình cảm của đồng bào và góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cho gia đình.

7. Kết luận

Người Dao Tiền ở xã Hà Hiệu hiện còn lưu giữ được nhiều tri thức dân gian về sử dụng cây thuốc, đặc biệt là những bài

thuốc gia truyền. Nhiều bài thuốc, cây thuốc của người Dao Tiền đã phát huy tác dụng mạnh mẽ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng và góp phần chữa được một số bệnh nan y, hoặc chi phí quá lớn nằm ngoài khả năng của những người dân nghèo.

Đa số các thầy thuốc người Dao Tiền duy trì các phương pháp khám bệnh theo cách truyền thống: nghe kể bệnh, hỏi, quan sát người bệnh hoặc lấy thuốc khi đã có kết quả khám chữa bệnh của y học hiện đại... Cách chữa bệnh truyền thống là sắc thuốc cho người bệnh uống hoặc đun nước để tắm. Việc ghi chép, theo dõi bệnh nhân vào sổ sách không được thực hiện. Họ cũng chưa được cấp giấy phép hành nghề y của bất kỳ tổ chức nào, chủ yếu khám chữa bệnh theo kinh nghiệm.

Các thầy thuốc khai thác nguồn dược liệu trên rừng luôn có ý thức tái tạo, nhưng nhiều người dân thường đi lấy cây thuốc về bán chưa có ý thức bảo tồn, một số vì lợi nhuận kinh tế nên đã tận diệt nhiều cây thuốc quý. Một số thầy lang tuy đã nhân giống cây thuốc ở vườn nhà, song số lượng dược liệu phát triển được rất ít do không phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng.

Mặc dù hiện nay, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, cuộc sống của người Dao đã có nhiều thay đổi nhưng họ vẫn giữ được truyền thống chữa bệnh bằng các cây thuốc nam. Việc tìm hiểu tri thức của họ trong sử dụng cây thuốc không chỉ có ý nghĩa gìn giữ một di sản văn hóa mà còn hiểu được môi trường sống, cũng như mối quan hệ giữa văn hóa với các yếu tố kinh tế - xã hội của tộc người. Cộng đồng người Dao Tiền đều mong muốn được bảo tồn, phát

triển nghề thuốc nam truyền thống bên cạnh hệ thống y học cổ truyền trong các cơ sở y tế, nhằm kết hợp có hiệu quả với y tế nhà nước trong chăm sóc sức khỏe con người.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Phi Anh (2005), “Bảo hộ tri thức truyền thống”, *Tạp chí Hoạt động khoa học*, Số 9, tr. 18-19.

2. Võ Văn Chi (1976), *Cây thuốc trong hệ thực vật miền Bắc Việt Nam (phần thực vật hạt kín)*, Luận án phó tiến sĩ Sinh học, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

3. Vũ Trường Giang (2008), “Tri thức bản địa về thuốc nam của người Thái ở miền núi Thanh Hóa” (Nghiên cứu tại xã Yên Khương, huyện Lang Chánh), *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 38-52.

4. Trần Văn Hải (2012), “Khai thác thương mại đối với tri thức truyền thống - tiếp cận từ quyền sở hữu trí tuệ”, *Tạp chí Hoạt động khoa học*, Số 3, tr. 54-59.

5. Trần Văn Hải (2013), “Tính mới trong việc bảo hộ sáng chế đối với các bài thuốc cổ truyền của Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội; *Luật học*, Tập 29, Số 2 (2013), tr. 7-15.

6. Trần Hồng Hạnh (2001), “Thuốc nam trong phòng và chữa bệnh của người Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 2, tr. 67-75.

7. Trần Hồng Hạnh (2002), “Tri thức địa phương trong sử dụng thuốc nam của người Dao Đỏ” (Nghiên cứu ở xã Tả Phìn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai), *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 23-30.

8. Đặng Thị Hoa (2001), “Tri thức địa phương về cây thuốc của người Hmông ở Tây Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 48-55.
9. Trần Công Khánh (1978), *Những cây thuốc bổ thường dùng*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
10. Trần Công Khánh (2005), “Bảo tồn cây thuốc dân tộc và tri thức y học gia truyền ở Việt Nam”, trong: *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam* (Tập V), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Đỗ Tất Lợi (1999), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội.
12. Trần Văn Ôn (2003), *Góp phần nghiên cứu bảo tồn cây thuốc ở vườn Quốc gia Ba Vì*, Luận án tiến sĩ Dược học, Đại học Dược Hà Nội.
13. Trần Văn Ôn (Chủ biên) (2006), *Cải cách phát triển dược liệu ở vùng núi cao Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
14. Lê Đình Phái (1996), *Những vấn đề dược học dân tộc (Môi trường và ứng xử của dân cư Việt Nam trên lĩnh vực bảo vệ sức khỏe)*, Nxb Đà Nẵng.
15. Ninh Thị Phíp (Chủ biên) (2011), *Đánh giá đa dạng cây thuốc tẩm của người Dao đỏ - Tả Phìn, Sa Pa, Lào Cai*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
16. Đặng Kim Thanh, Trần Công Khánh (2008a), “Điều tra nguồn dược liệu y học cổ truyền của người Dao Tiền ở xã Tu Lý, Đà Bắc, Hoà Bình”, *Tạp chí Y học Việt Nam*, tháng 6, Số 1, tr. 8-11.
17. Đặng Kim Thanh, Trần Công Khánh (2008b), “Điều tra nguồn cây thuốc của người Cao Lan ở xã Đội Cấn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang”, *Tạp chí Y học Việt Nam*, tháng 6, số 2, tr. 5-10.
18. Nguyễn Nghĩa Thìn (Chủ biên) (2001), *Thực vật học dân tộc: Cây thuốc của đồng bào Thái Con Công Nghệ An*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
19. Vũ Hồng Thuật (2005), “Khai thác và sử dụng cây thuốc ở người Lào, Hà Tĩnh”, trong: *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam* (Tập V), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Hoàng Khánh Toàn (2012), *Dược liệu Việt Nam nguy cơ cạn kiệt*, trên trang <http://suckhoedoisong.vn> (Truy cập ngày 6 tháng 1 năm 2012).